

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG (7580201)
Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp
KHÓA 2019

TT	Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết			Ghi chú
						TS	LT	TH	
		HK1			15	240	210	30	2019-2020
1	1	1	BAS27001	Giải tích 1	2.0	30	30	-	
2	1	1	BAS21002	Đại số tuyến tính	3.0	45	45	-	
3	1	1	CON38001	Cơ học cơ sở	3.0	60	30	30	
4	1	1	ARC28002	Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	45	45	-	
5	1	1	ECO21005	Pháp luật đại cương	2.0	30	30	-	
6	1	1	BAS31016	Giáo dục thể chất 1	1*	-	-	30*	
7	1	1	BAS21901	Vật lý đại cương	2.0	30	30	-	
		HK2			17	300	210	90	
1	1	2	BAS28001	Giải tích 2	2.0	30	30	-	
2	1	2	CON22037	Sức bền vật liệu 1	3.0	60	30	30	
3	1	2	ARC23061	Cấu tạo kiến trúc	3.0	45	45	-	
4	1	2	ARC25051	Tin học ứng dụng (Autocad)	2.0	45	15	30	
5	1	2	UIT28001	Điện kỹ thuật	2.0	30	30	-	
6	1	2	UIT23001	Cấp thoát nước	2.0	30	30	-	
8	1	2	BAS31017	Giáo dục thể chất 2	1*	30*	-	30*	
9	1	2	UIT24008	Trắc địa	2.0	30	30	-	
10	1	2	UIT21901	Thực tập trắc địa	1.0	30	-	30	
11	1	2	BAS21902	Giáo dục QP-AN 1	2*	30*	30*	-	Học kỳ hè
12	1	2	BAS21903	Giáo dục QP-AN 2	2*	30*	30*	-	Học kỳ hè
13	1	2	BAS21904	Giáo dục QP-AN 3	3*	85*	20*	65*	Học kỳ hè
14	1	2	BAS21905	Giáo dục QP-AN 4	1*	20*	20*	-	Học kỳ hè
		HK3			18	345	195	150	2020-2021
1	2	3	POL21901	Triết học Mác - Lênin	3.0	45	45	-	
2	2	3	CON23038	Sức bền vật liệu 2	2.0	30	30	-	
3	2	3	CON23006	Cơ học kết cấu 1	3.0	60	30	30	
4	2	3	ARC21901	Kiến trúc công trình	2.0	30	30	-	
5	2	3	ARC21902	ĐA. Kiến trúc công trình	1.0	30	-	30	
6	2	3	BRC28001	Địa kỹ thuật	3.0	60	30	30	
7	2	3	BRC21901	TN Địa kỹ thuật	1.0	30	-	30	
8	2	3	CON22050	Vật liệu xây dựng	2.0	30	30	-	
9	2	3	CON23052	TN Vật liệu xây dựng	1.0	30	-	30	
11	2	3	BAS32001	Giáo dục thể chất 3	1*	30*	-	30*	
		HK4			16	345	135	210	
1	2	4	POL21902	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.0	30	30	-	
2	2	4	POL21903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	30	30	-	
3	2	4	CON23007	Cơ học kết cấu 2	3.0	60	30	30	
4	2	4	CON24046	Tin học UD ngành XD	2.0	60	-	60	
5	2	4	CON21901	Kết cấu BTCT	3.0	45	45	-	
6	2	4	CON21902	ĐA. Kết cấu BTCT	2.0	60	-	60	
7	2	4	CON27002	TN và kiểm định công trình	2.0	60	-	60	
8	2	4	BAS25001	Giáo dục thể chất 4	2*	60*	-	60*	
		HK5			20.0	300	150	310	2021-2022
1	1	2	FLI26002	Anh văn 1	3.0	45	45	-	
2	3	5	ARC24054	Dự Toán	3.0	60	30	30	
3	3	5	CON21903	Kết cấu nhà bê tông cốt thép	3.0	45	45	-	
4	3	5	CON21904	ĐA. Kết cấu nhà BTCT	2.0	60	-	60	
5	3	5	CON21905	Kết cấu thép	3.0	60	30	30	
6	3	5	CON24034	Nền và móng	3.0	45	45	-	
7	3	5	CON24015	ĐA. Nền và móng	1.0	30	-	30	
8	3	5	CON27003	Thực tập công nhân (XD)	2.0	4 tuần	-	160	
		HK6			20.0	300	210	90	
10	2	3	FLI26003	Anh văn 2	3.0	45	45	-	
1	3	6	POL22004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30	30	-	
2	3	6	ECO21901	Pháp luật và kinh tế xây dựng	3.0	45	45	-	
3	3	6	CON21906	Kết cấu nhà thép	2.0	30	30	-	
4	3	6	CON21907	ĐA. Kết cấu nhà thép	1.0	30	-	30	
5	3	6	CON21908	An toàn và môi trường lao động	2.0	30	30	-	
6	3	6	CON23033	Máy xây dựng	2.0	30	30	-	
7	3	6	CON21909	Kỹ thuật thi công 1	3.0	45	45	-	
8	3	6	CON21910	ĐA. Kỹ thuật thi công 1	2.0	60	-	60	

TT	Năm	Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín	Số tiết			Ghi chú
						TS	LT	TH	
		HK7			20	345	255	90	2022-2023
1	2	4	FLI22004	Anh văn CN (KTH)	2.0	30	30	-	
2	4	7	POL21904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	30	30	-	
3	4	7	CON21911	Kỹ thuật thi công 2	3.0	45	45	-	
4	4	7	CON24014	ĐA. Kỹ thuật thi công 2	1.0	30	-	30	
5	1	1	FLI26001	Tin học đại cương	3.0	60	30	30	
6	4	7	CON23039	Tham quan công trình (XD)	1.0	30	-	30	
7	4	7(tc4/8)	CON21912	Kết cấu nhà BTCT nhiều tầng	2.0	30	30	-	
8	4	7(tc4/8)	BRC21902	Nền móng trong điều kiện đặc biệt	2.0	30	30	-	
9	4	7(tc4/8)	CON21913	Kết cấu BTCT ứng lực trước	2.0	30	30	-	
10	4	7(tc4/8)	CON24021	Kết cấu BTCT đặc biệt	2.0	30	30	-	
11	4	7(tc4/8)	CON21916	Thi công nhà nhiều tầng	2.0	30	30	-	
12	4	7(tc4/8)	CON21917	Thi công công trình ngầm	2.0	30	30	-	
13	4	7(tc4/8)	CON21918	TK biện pháp thi công hố móng sâu	2.0	30	30	-	
14	4	7(tc4/8)	CON25045	Tin học trong QLXD	2.0	45	15	30	
		HK8			14	210	150	60	
1	4	8	CON25048	Tổ chức thi công	3.0	45	45	-	
2	4	8	CON25016	ĐA. Tổ chức thi công	1.0	30	-	30	
3	4	8	ECO21902	Đầu thầu và thanh quyết toán CTR	2.0	45	15	30	
4	4	8	CON25044	Thực tập cuối khóa (XD)	2.0	8 tuần	-	8 tuần	
5	4	8(tc3/6)	CON21914	Gia cố và sửa chữa kết cấu BTCT	2.0	30	30	-	
6	4	8(tc3/6)	CON24047	TT CTR chịu T.trọng Đ.đất	2.0	30	30	-	
7	4	8(tc3/6)	CON21915	Kết cấu nhà thép nhiều tầng	2.0	30	30	-	
8	4	8(tc3/6)	CON21919	Quản lý chất lượng công trình	2.0	30	30	-	
9	4	8(tc3/6)	ECO26001	QL DA đầu tư xây dựng	2.0	30	30	-	
10	4	8(tc3/6)	CON21920	Hệ thống kỹ thuật trong công trình	2.0	30	30	-	
		HK9			10	0	0	0	2023-2024
1	5	9	FLI25222	Chuẩn đầu ra NN (AV3/6)	0.0	-	-	-	
2	5	9	FLI21902	Chuẩn đầu ra CNTT (CCCNTTCB)	0.0	-	-	-	
3	5	9	CON25017	Đồ án tốt nghiệp (XD)	10.0	15 tuần	-	15 tuần	
				TỔNG	150	2385	1515	1030	

Lưu ý:

BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Phủ Yên, ngày tháng năm
KHOA